

Bản án số: 130/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/02/2021

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân là Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1325/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 408/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Quốc T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 486 Đường số 10, tổ 32, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 486 Đường số 10, tổ 32, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đặng Quốc T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Hồng N tự nguyện quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau, rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày 18/11/2016. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ngoài ra chị N còn mâu thuẫn với mẹ chồng. Hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Nay

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt, nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Hồng N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Đặng Gia B, sinh ngày 23/01/2018. Theo đơn khởi kiện thì anh đồng ý giao con chung cho chị N và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình hòa giải tại Tòa thì chị N yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thì anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 26/11/2020 và Biên bản hòa giải ngày 26/11/2020, bị đơn là chị Nguyễn Hồng N xác nhận cuộc sống chung giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, đồng thời do chị mâu thuẫn với mẹ chồng nên giữa hai vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành, nhưng mâu thuẫn vẫn có thể hàn gắn do chị vẫn còn tình cảm với anh T nên anh T yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý ly hôn.

Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì về con chung chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đặng Gia B, sinh ngày 23/01/2018 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn chị Nguyễn Hồng N vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Anh Đặng Quốc T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Hồng N nên quan hệ giải quyết trong vụ án là tranh chấp ly hôn, chị Nguyễn Hồng N hiện đang cư ngụ tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn chị Nguyễn Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Hồng N.

[3]. *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Đặng Quốc T và chị Nguyễn Hồng N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 72, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp ngày 18/11/2016.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc.

Căn cứ vào bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 26/11/2020, Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị N thường xuyên xảy ra cãi vã do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và do mâu thuẫn giữa mẹ chồng, nàng dâu. Bản thân chị N nhận thức được cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh T không có hạnh phúc vì vợ chồng chưa có sự hòa hợp nhưng chị N không có biện pháp để giải quyết mâu thuẫn mà để cho mâu thuẫn kéo dài.

Căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh T và chị N, Hội liên hiệp phụ nữ Phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận cuộc sống hôn nhân của anh T và chị N có phát sinh mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân và anh T, chị N đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị N là có thật, đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có một con chung là Đặng Gia B, sinh ngày 23/01/2018.

Chị Nhu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, anh T đồng ý với yêu cầu nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con của chị Nhu cầu. Hội đồng xét xử nhận thấy thỏa thuận nuôi con giữa anh T và chị Nhu phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận, giao con chung cho chị Nhu nuôi dưỡng và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 02/2021 cho đến khi trẻ Bảo đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đặng Quốc T và chị Nguyễn Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Đặng Quốc T phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí, lệ phí và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Luật phí, lệ phí và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Quốc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Quốc T được ly hôn với chị Nguyễn Hồng N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 72, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp ngày 18/11/2016 không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Đặng Gia B, sinh ngày 23/01/2018 cho chị Nguyễn Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đặng Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Đặng Gia B mỗi tháng 3.000.000 đồng bắt đầu từ tháng 02/2021 cho đến khi trẻ Đặng Gia B đủ 18 tuổi. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Đặng Quốc T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đặng Quốc T và chị Nguyễn Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đặng Quốc T phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng, được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do anh Đặng Quốc T đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0027421 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh Đặng Quốc T còn phải nộp số tiền là 300.000 đồng, thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Đặng Quốc T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Hồng N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- UBND xã B, huyện Bình Đại,
tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Loan